NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á ---	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: 2219...../2025/CV-DNA	*Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2025*
V/v: Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi	

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200253985
  Ngày cấp: cấp lần đầu ngày 14/01/2005 và các lần thay đổi
  Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
  SĐT: 024 3944 8688 Fax: 024 3944 8689 Email: gtcg@seabank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Ngân hàng thương mại cổ phần
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Thanh toán trong nước và quốc tế; Huy động, Cho vay ngắn, trung và dài hạn; …
- Mã số thuế: 0200253985

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu. Cụ thể:

a. Thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ

- Kỳ báo cáo: Năm (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)
- Ngày thống kê: 31/12/2024
- Nội dung báo cáo:

Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nêu cụ thể kết quả đàm phán)
1	SSBH2227005	750,000,000,000	750,000,000,000	Lãi	08/09/2024	09/09/2024	09/09/2024	6.60	49,635,616,438	49,635,616,438				
2	SSBLH2124001	500,000,000,000	0	Lãi	30/08/2024	30/08/2024	30/08/2024	4.10	20,556,164,384	20,556,164,384				
3	SSBLH2124001	500,000,000,000	0	Gốc	30/08/2024	30/08/2024	30/08/2024	4.10	500,000,000,000	500,000,000,000				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nêu cụ thể kết quả đàm phán)
4	SSBL2124002	1,000,000,000,000	0	Lãi	08/09/2024	09/09/2024	09/09/2024	4.10	41,224,657,534	41,224,657,534				
5	SSBL2124002	1,000,000,000,000	0	Gốc	08/09/2024	09/09/2024	09/09/2024	4.10	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000				
6	SSBL2124003	700,000,000,000	0	Lãi	09/09/2024	09/09/2024	09/09/2024	4.10	28,778,630,137	28,778,630,137				
7	SSBL2124003	700,000,000,000	0	Gốc	09/09/2024	09/09/2024	09/09/2024	4.10	700,000,000,000	700,000,000,000				
8	SSBH2124004	500,000,000,000	0	Lãi	07/10/2024	07/10/2024	07/10/2024	4.10	20,443,835,617	20,443,835,617				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nêu cụ thể kết quả đàm phán)
9	SSBH2124004	500,000,000,000	0	Gốc	07/10/2024	07/10/2024	07/10/2024	4.10	500,000,000,000	500,000,000,000				
10	SSBH2124005	500,000,000,000	0	Lãi	14/10/2024	14/10/2024	14/10/2024	4.10	20,556,164,384	20,556,164,384				
11	SSBH2124005	500,000,000,000	0	Gốc	14/10/2024	14/10/2024	14/10/2024	4.10	500,000,000,000	500,000,000,000				
12	SEABOND14.24-003	400,000,000,000	0	Lãi	28/12/2024	30/12/2024	30/12/2024	8.50	34,092,896,175	34,092,896,175				
13	SEABOND14.24-003	400,000,000,000	0	Gốc	28/12/2024	30/12/2024	30/12/2024	8.50	400,000,000,000	400,000,000,000				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối Ngày thống kê (đồng)	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nêu cụ thể kết quả đàm phán)
14	SEABOND14.25-005	500,000,000,000	500,000,000,000											

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lưu Việt Hưng

Trung tâm Kinh doanh Giấy tờ có giá

NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Quang

Nơi nhận:
- HNX;
- Lưu: VT, KNV